

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN N

TỈNH KON TUM

Bản án số: 04/2025/HS-ST

Ngày 16 - 01-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thế Hồi, bà Phan Thị Anh Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nữ Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16-01-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2024/TLST-HS ngày 15/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HS ngày 06-12 -2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 89/2024/HSST-QĐ ngày 20/12/2024 đối với các bị cáo:

1. **P**, tên gọi khác: không, sinh ngày 01/01/1985 tại tỉnh Kiên Giang. Số CCCD 091085004264, cấp ngày 18/9/2022, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Nơi thường trú: Ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi ở hiện tại (nơi đăng ký tạm trú): Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 03/12. Con ông T (đã chết) và bà B; có vợ là Th, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; chị em ruột có 07 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án: không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. **Th**, tên gọi khác: không, sinh ngày 10/9/1985 tại tỉnh Cần Thơ. Số CCCD: 070185007527, cấp ngày 22/11/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Nơi thường trú: Ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi ở hiện tại (nơi đăng ký tạm trú): Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 06/12. Con ông B và bà R; có chồng là P, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án: không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Các bị hại:

+ Bà B, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.

+ Bà S, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum; *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.

+ Anh T, sinh năm 1980 và chị T1, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum; *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2011, P và Th từ tỉnh Kiên Giang chuyển đến huyện N, tỉnh Kon Tum sinh sống làm nghề buôn bán thịt heo ở chợ thị trấn P, huyện N. Trong thời gian sinh sống và làm ăn tại đây, P đã vay nợ tiền của bà S và mua nợ heo thịt của gia đình anh T; còn Th đã vay nợ tiền của bà B và bà S, sau đó không trả được hết tiền đã chiếm đoạt số tiền còn nợ lại, cụ thể như sau:

- Đối với việc vay nợ tiền và mua heo nợ của P:

+ Việc vay tiền của bà S:

Ngày 23/12/2017 (âm lịch) P đến gặp bà S hỏi vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), không thỏa thuận lãi, P hẹn bà S trong vòng 10 ngày kể từ ngày vay, P sẽ trả lại đủ số tiền vay và được bà S đồng ý, có giấy ghi nhận nợ.

Tiếp đến ngày 24/12/2017 (âm lịch) P tiếp tục vay thêm bà S số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), không thỏa thuận lãi, P hẹn bà S trong vòng 30 ngày kể từ ngày vay P sẽ trả lại đủ tiền và được bà S đồng ý, có giấy ghi nhận nợ.

Tổng số tiền P vay nợ bà S là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*).

+ Việc mua nợ heo thịt của gia đình anh T:

Vào ngày 27/02/2018 (dương lịch) P đến nhà anh T tại thôn N, xã P, huyện N, để mua 11 con heo thịt với giá 34.500đ/01kg, 11 con heo là 785kg, tính thành tiền là 27.082.000đ (*Hai mươi bảy triệu, không trăm tám mươi hai nghìn đồng*). Bắt heo xong, P hẹn anh T đến tối sẽ cầm tiền vào trả trước cho anh T 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), số tiền còn lại hẹn anh T 10 ngày sau trả đủ. Tuy nhiên đến tối P không mang tiền đến trả cho anh T như đã hẹn. Anh T và vợ nhiều lần đến tìm P đòi tiền, nhưng P lấy nhiều lý do kéo dài thời gian trả nợ. Đến ngày 02/3/2018 chị T1 vợ anh T đến quầy bán thịt của Th (vợ P) ở chợ thị

trần P đòi tiền P nợ. Tuy không biết tiền P nợ cụ thể như thế nào nhưng để việc buôn bán được thuận lợi Th đã đưa cho vợ anh T số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Số tiền P chưa trả anh T là 24.082.000đ (*Hai mươi bốn triệu, không trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

- Đối với việc vay nợ tiền của Th:

+ Việc vay tiền của bà B:

Ngày 20/11/2017 (âm lịch), Th đến nhà bà B tại tổ N, thị trấn P, huyện N vay số tiền 220.000.000đ (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*), thời hạn vay từ ngày 20/11/2017 (âm lịch) đến ngày 20/10/2018 (âm lịch), mỗi ngày trả góp số tiền 1.140.000 đồng, không ghi thỏa thuận lãi, chỉ thỏa thuận miệng khi nào trả hết gốc sẽ thù lao sau nhưng không nói số tiền cụ thể, có giấy ghi nhận nợ. Sau khi nhận tiền Th đã trả góp cho bà B được 30 ngày với tổng số tiền 34.200.000 đồng, còn nợ lại bà B 185.800.000đ (*Một trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*).

+ Việc vay nợ tiền của bà S:

Ngày 19/12/2017 (âm lịch) Th đến nhà bà S tại tổ N, thị trấn P, huyện N vay của bà S số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), không lãi, thời hạn trả nợ trong vòng 10 ngày kể từ ngày vay, có giấy ghi nhận nợ.

Ngày 23/12/2017 (âm lịch) Th tiếp tục đến nhà bà S vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), do thân thiết nên không tính lãi, thời hạn trả nợ trong vòng 32 ngày, mỗi ngày trả góp 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), có giấy ghi nhận nợ.

Tổng số tiền Th vay của bà S là 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*).

*/Việc trả nợ và trốn tránh chiếm đoạt tài sản:

Trước thời điểm vay mượn tiền của bà B, bà S và nợ tiền heo của gia đình anh T thì P cũng như Th đã nợ tiền của một số người khác. Sau khi nhận được các khoản tiền trên P đã dùng để trả nợ cho những người mà P vay nợ trước đó (P đã vay giấu Th để gửi về quê chữa bệnh cho cha đẻ - thời gian này đang bị bệnh); còn Th cũng đã dùng một phần để trả nợ cho những người mà Th nợ trước đó, một phần chi tiêu trong gia đình. Do quá trình làm ăn thua lỗ ngày một tăng, lại bị mọi người dồn ép đòi nợ nhiều, Th đã đi hỏi mượn tiền của một số người thân để trả nợ nhưng không được. Vào khoảng tháng 3 năm 2018 (không nhớ rõ ngày cụ thể), vì không có vốn để buôn bán nữa, thấy Th buồn bã chán nản nên P đã nói với Th thôi đi tìm chỗ khác để làm ăn mới mong ổn định và trả nợ được, Th đã nghe theo, P chở Th và con bằng xe máy mang theo ít quần áo rời khỏi huyện N vào lúc 14 giờ chiều trong ngày, để đi xuống thành phố Kon Tum kiếm việc nhưng không được, sau đó P và Th tiếp tục đi về Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo sự giúp đỡ, giới thiệu của gì ruột và làm ăn, sinh sống cho đến nay. Sau khi về tỉnh Tiền Giang sinh sống, Th tiếp tục hỏi mượn tiền của em gái là L để trả số nợ tại huyện N thì được L trả lời hiện chưa có, khi nào gom được thì cho mượn. Đến khoảng cuối tháng 10 năm 2018 (dương lịch),

L đã cho Th mượn số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*). Khi có tiền Th đã nhờ L thay mặt Th trả trước cho bà B 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), còn nợ lại bà B 35.800.000đ (*Ba mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*); trả trước cho bà S 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), còn nợ bà S 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), tổng Th còn nợ tiền của bà B và bà S 75.800.000đ (*Bảy mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*). Cũng cùng thời gian này, biết Th vay được tiền của L nên P cũng nhờ L trả bớt cho bà S 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), còn nợ lại bà S 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*); tổng tiền P còn nợ bà S và gia đình anh T là 64.082.000đ (*Sáu mươi bốn triệu, không trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Sau khi trả được bớt số tiền trên vì làm ăn không được, không có điều kiện để trả số tiền còn nợ lại nên cả P và Th đã nảy sinh ý định chiếm đoạt (không trả nợ nữa), thể hiện không trả tiền và cắt đứt mọi liên lạc với bà B, bà S, gia đình anh T.

Trong thời gian bỏ đi và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, P và Th đã được em gái là chị L cho biết là bà B, bà S và anh T đã có đơn tố cáo P, Th về việc chiếm đoạt tài sản, cơ quan Công an huyện N cũng đang truy tìm, biết không thể trốn tránh được lâu và được sự động viên, khuyên giải của gia đình, đến ngày 01/7/2024, P và Th đã đến cơ quan Công an huyện N trình diện và khai báo về hành vi thực hiện của mình để mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Đến ngày 06/8/2024, được sự giúp đỡ của những người thân trong gia đình, Th đã thanh toán hết số tiền còn nợ cho bà B là 35.800.000 đồng, bà S 40.000.000 đồng; P cũng đã thanh toán hết số tiền còn nợ cho bà S 40.000.000 đồng; gia đình anh T 24.082.000 đồng.

-Tại Bản cáo trạng số: 47/CT-VKS ngày 14-11-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố P; Th về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” đối với cả 02 bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là: “*người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*”, người phạm tội “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; người phạm tội “*đầu thú*” và người phạm tội được tất cả các bị hại “*xin giảm nhẹ hình phạt*”, theo các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Vì hai bị cáo là vợ chồng, xét hoàn cảnh gia đình và điều kiện chăm lo nuôi con cũng như đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa; đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; đề nghị xử phạt Th từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng; đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với P và đề nghị xử phạt P từ 18 tháng đến 21 tháng tù. Đề nghị

không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã hoàn trả đủ tiền cho các bị hại nên không đề nghị giải quyết. Vụ án không thu giữ vật chứng nên không đề nghị xử lý. Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

-Tại phiên tòa: Các bị cáo P và Th đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị cáo P khai: Việc P mượn tiền của bà S và mua heo nợ tiền của gia đình anh T đều không nói cho Th biết, vì trước thời điểm này P đã vay tiền của một số người khác, giấu Th để gửi tiền cho cha để chữa bệnh (thời điểm này cha để còn sống và đang đau bệnh nặng, kinh tế vợ chồng đang khó khăn do làm ăn thua lỗ vợ chồng hay cãi vã nhau nên không dám nói cho Th biết), khi Th đưa tiền cho P trả tiền mua heo thì P không trả mà lấy tiền đó trả cho những người khác. Đến giữa năm 2024, sau khi biết thông tin cơ quan Công an đang truy tìm để bắt nên vợ chồng đã ngồi lại nói rõ việc nợ nần cụ thể của ai bao nhiêu và sau đó cùng nhau về đầu thú. Tại thời điểm bỏ đi vào khoảng tháng 3 năm 2018, P chưa có ý định chiếm đoạt tiền, đi mục đích để tìm công việc khác mới có hy vọng ổn định và kiếm tiền trả nợ, sau khi trả bớt nợ vào cuối tháng 10/2018, vài tháng sau thấy không thể trả được nữa nên mới có ý không trả tiền nợ nữa.

Bị cáo Th khai: Trước thời điểm bỏ đi khỏi huyện N, Th không nói rõ cho P biết nợ ai, cụ thể như thế nào, theo Th thì P có biết là có nợ vì thấy những người cho vay tìm gặp đòi nợ nhưng không biết rõ là bao nhiêu. Th không muốn nói cho P biết rõ vì vợ chồng hay cãi vã nghi kỵ nhau từ việc làm ăn thua lỗ, nợ nần. Đến khoảng giữa năm 2024, lúc này Th mới nói rõ là nợ ai, bao nhiêu, để vợ chồng thu xếp về trình diện khai báo và giải quyết nợ nần.

- Bị hại là bà B có lời khai tại hồ sơ, thể hiện: Ngày 20/11/2017 (âm lịch) bà cho Th vay 220.000.000 đồng, có làm giấy tờ vay mượn, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.140.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 20/10/2018 (âm lịch), không ghi nhận lãi, chỉ thỏa thuận miệng sau này trả hết gốc thì trả thù lao lãi sau nhưng không xác định số tiền lãi cụ thể. Tính đến cuối tháng 10/2018, Th đã trả góp được 34.200.000 đồng, Th nhờ em gái là L trả được 150.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 35.800.000 đồng, thống nhất cho trả dần, nhưng sau đó Th đã không trả nữa. Nay Th đã trả hết tiền cho bà, thấy Th có thái độ ăn năn hối cải nên xin giảm nhẹ hình phạt cho Th và không có yêu cầu gì khác.

- Bị hại là bà S có lời khai tại hồ sơ, thể hiện:

+ Bà cho Th vay riêng 02 khoản, ngày 19/12/2017 (âm lịch) cho vay 20.000.000 đồng, có lập giấy tờ vay, không lãi, hẹn 10 ngày sau trả; ngày 23/12/2017 (âm lịch) cho vay 50.000.000 đồng, có lập giấy tờ vay, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 1.500.000 đồng, trả trong vòng 32 ngày, không ghi nhận lãi, chỉ thỏa thuận miệng sau này trả hết gốc thì trả thù lao lãi sau nhưng không xác định số tiền lãi cụ thể; tổng cho Th vay 70.000.000 đồng, tính đến cuối tháng 10/2018 Th đã nhờ em gái là L trả cho bà được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng, nghe nói điều kiện khó khăn bà đã cho Th trả dần nhưng sau

đó Th đã không trả nữa. Nay Th đã trả hết tiền cho bà, thấy Th có thái độ ăn năn hối cải nên xin giảm nhẹ hình phạt cho Th và không có yêu cầu gì khác.

+ Bà cho P vay riêng 02 khoản không cho Th biết, ngày 23/12/2017 (âm lịch) cho vay 10.000.000 đồng, có lập giấy tờ vay, không lãi, hạn 10 ngày sau trả; ngày 24/12/2017 (âm lịch) cho vay 50.000.000 đồng, có lập giấy tờ vay, hạn trong vòng 30 ngày sẽ trả, không ghi nhận lãi; tổng cho P vay 60.000.000 đồng, tính đến cuối tháng 10/2018 P đã nhờ em vợ là L trả cho bà được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng, sau đó không thấy P trả nữa. Nay P đã trả hết tiền cho bà, thấy P có thái độ ăn năn hối cải nên xin giảm nhẹ hình phạt cho P và không có yêu cầu gì khác.

- Các bị hại là vợ chồng anh T và chị T1 có lời khai tại hồ sơ, thể hiện: Vào ngày 27/02/2018, anh chị đã bán 11 con heo thịt cho P, tổng khối lượng 785kg, giá 34.500đ/01kg, thành tiền 27.082.000 đồng, đã trả được 3.000.000 đồng, còn nợ lại 24.082.000 đồng. Sau khi P bỏ đi một thời gian vì không liên lạc được, không biết P ở đâu nên anh chị đã làm đơn tố cáo đến cơ quan Công an. Nay anh chị đã nhận đủ tiền nợ, thấy P có thái độ ăn năn hối cải nên xin giảm nhẹ hình phạt cho P và không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị L có lời khai tại hồ sơ, thể hiện: Chị Th đã nhiều lần hỏi vay chị số tiền 200.000.000 đồng để trả nợ, vì chưa đủ tiền nên chị nói khi nào gom đủ sẽ cho chị mượn. Đến cuối tháng 10/2018, sau khi gom đủ tiền chị đã báo cho chị Th biết thì chị Th đã nhờ chị trả trực tiếp cho bà B 150.000.000 đồng, trả cho bà S 30.000.000 đồng; sau đó anh P biết chị cho chị Th vay tiền nên nhờ trả cho bà S 20.000.000 đồng, ngoài ra chị không liên quan gì khác.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo P: Vợ chồng bị cáo biết sai, đã về đầu thú và khắc phục hết hậu quả, xin cho vợ chồng bị cáo được hưởng án treo vì gia đình bị cáo còn khổ quá, để bị cáo có cơ hội lo cho vợ con. Bị cáo hứa sửa chữa và không tái phạm nữa.

Bị cáo Th: (Bị cáo khóc tại phiên tòa) Xin Hội đồng xét xử cho vợ chồng bị cáo cơ hội để được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Hiện nay, gia đình bị cáo vẫn rất khó khăn, vợ chồng làm thuê mướn, nhà cửa chưa có còn ở thuê. Bị cáo hứa sẽ tu sửa bản thân và không bao giờ vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của P và Th: Tại phiên tòa P và Th đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của P và Th tại phiên tòa phù hợp với các lời khai, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện như sau:

[2.1] Theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”;

a) *Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả.*

.....

[2.2] *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

.....

c) *Chiếm đoạt tài sản giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.*

[2.3] Đối với P thông qua việc mua bán heo giữa P và gia đình anh T, hợp đồng vay tiền giữa P với bà S và sự tín nhiệm của những người này đã cho P nợ tiền. Trước khi bỏ đi khỏi địa phương thì P còn nợ của gia đình anh T 24.082.000 đồng; nợ của bà S 60.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ không có tiền trả nợ cho bà S và gia đình anh T đúng hạn, cùng với việc bị đôn thúc trả nợ tạo áp lực tâm lý nên P cùng Th đã rời khỏi địa P và cắt đứt liên lạc với gia đình anh T ngay sau khi rời khỏi địa phương, đối với bà S sau khi trả cho bà S được 20.000.000 đồng thì P đã cắt đứt mọi thông tin liên lạc với bà S, là thể hiện cố ý trốn tránh việc trả nợ, mục đích vụ lợi. Tổng số tiền P chiếm đoạt của bà S và gia đình anh T là 64.082.000 đồng (*Sáu mươi tư triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng*). Đây chính là hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” mà P đã thực hiện.

[2.4] Cũng như P, đối với Th thông qua hợp đồng vay tài sản giữa Th với bà B và bà S, và sự tín nhiệm của những người này đã cho Th vay tiền. Quá trình làm ăn buôn bán thua lỗ nên Th đã theo P rời khỏi địa phương, trước khi đi Th đã trả góp cho bà B được 34.200.000 đồng. Sau khi đi được khoảng 01 tháng Th đã hỏi vay mượn tiền của những người thân mà chưa được. Đến cuối tháng 10/2018 Th đã vay được tiền của em gái là L và nhờ L trả tiền cho bà B 150.000.000 đồng; trả cho bà S 30.000.000 đồng, sau đó mới cắt đứt mọi thông

tin liên lạc với bà B và bà S, số tiền Th còn nợ lại bà B 35.800.000 đồng, nợ bà S 40.000.000 đồng; hành vi của Th cũng thể hiện cố ý trốn tránh việc trả nợ, mục đích vụ lợi. Tổng số tiền Th chiếm đoạt là 75.800.000đ (*Bảy mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*). Đây chính là hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” mà Th đã thực hiện.

[2.5] Cả P và Th đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, số tiền P, Th chiếm đoạt có giá trị từ trên năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng, phạm vào điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, gây hậu quả cho xã hội ở mức nghiêm trọng, có mức khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố.

[2.6] Xem xét có sự đồng phạm hay không về tội phạm P, Th đã thực hiện: Vì P và Th có mối quan hệ vợ chồng. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ và thông báo xác minh điều tra bổ sung của Tòa án, đã được làm rõ tại phiên tòa, thể hiện: Đối với hành vi thực hiện tội phạm của P thì P là người chuyên đi thu mua heo thịt về giết mổ cho Th bán nhằm mục đích tạo thu nhập kinh tế chung trong gia đình. Sau khi bán thịt heo và gom được nợ của những bạn hàng thì Th bớt ít tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình còn đâu đưa lại P để trả nợ. Thường thì P thanh toán nợ gởi đầu, lấy tiền của người sau trả cho người trước. Toàn bộ việc giao dịch mua bán heo và trả nợ do P tự sắp xếp quyết định, Th không tham gia, vì làm ăn ngày càng thua lỗ và lại giấu vợ gửi tiền cho Cha để chữa bệnh nên trước thời điểm bỏ đi khỏi địa phương và thời điểm chiếm đoạt số tiền còn nợ lại của bà S 40.000.000 đồng thì P đã không trao đổi, không nói rõ cho Th biết. Đối với việc thực hiện tội phạm của Th thì việc vay mượn tiền của bà B, bà S, việc trả nợ và số tiền còn nợ lại trước khi có ý định chiếm đoạt Th đều không trao đổi, không nói rõ cho P biết, vì vợ chồng thường hay cãi vã do làm ăn thua lỗ nợ nần. Sau khi biết thông tin cơ quan Công an đang truy tìm thì vào giữa năm 2024 vợ chồng P, Th mới ngồi lại nói cụ thể số tiền nợ nần những ai, bao nhiêu để về đầu thú và gặp những người này xin lỗi và trả nợ, là sau khi tội phạm đã hoàn thành. Nên không đủ cơ sở xác định P và Th cùng đồng phạm thực hiện chiếm đoạt các khoản tiền mà mỗi bên còn nợ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: P chiếm đoạt tiền của gia đình anh T 24.082.000 đồng, của bà S 40.000.000 đồng; Th chiếm đoạt tiền của bà B 35.800.000 đồng, của bà S 40.000.000; nên các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trước khi bị khởi tố các bị cáo đã trực tiếp về trình diện tại cơ quan Công an để khai báo về hành vi phạm tội của mình, thể hiện “*đầu thú*”; Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử các bị cáo đều “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; các bị cáo cũng đã trả hết số tiền nợ cho các bị hại thể hiện “*Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại*

hoặc khắc phục hậu quả”; được toàn bộ các bị hại “*xin giảm nhẹ hình phạt*”. Cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Hình phạt chính: Ngoài lần phạm tội này các bị cáo đã chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, làm việc, mỗi bị cáo phạm tội 02 lần, số tiền chiếm đoạt trong mỗi lần thuộc tội phạm ít nghiêm trọng, được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo đều tỏ thái độ rất ăn năn hối cải và xin được hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo có quan hệ vợ chồng, xem xét hoàn cảnh điều kiện gia đình và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con cái; xem xét việc áp dụng loại hình phạt đảm bảo giáo dục, cải tạo, răn đe, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo Th là phụ nữ, vai trò làm mẹ gắn kết với con cái hơn được hưởng án treo để đảm bảo việc chấp hành án và chăm lo nuôi dạy con. Riêng bị cáo P cần áp dụng hình phạt cách ly khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Tuy nhiên, thấy tổng số tiền P chiếm đoạt 64.082.000 đồng, đã khắc phục hết hậu quả, trong 04 tình tiết giảm nhẹ được hưởng thì có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự, đủ điều kiện được áp dụng khoản 1 điều 54 của Bộ luật hình sự, cho P hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và nằm trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà sửa chữa, cải tạo tốt.

[4.2] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì nguyên nhân dẫn đến các bị cáo phạm tội là do làm ăn thua lỗ, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, chưa có nhà ở còn ở nhà thuê.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tất cả các bị hại đều xác nhận đã được các bị cáo trả đầy đủ tiền và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra không thu giữ gì nên vấn đề xử lý vật chứng không đặt ra.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 50, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với P;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 50, 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Th;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử:

1. Tuyên bố các bị cáo P, Th phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”;

Xử phạt: P 18 (Mười tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt.

Xử phạt: Th 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 16/01/2025).

Giao Th cho Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về án phí: Buộc P, Th, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16-01-2025). Các bị hại vắng mặt là bà B, bà S, anh T, chị T1 có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là chị L có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn P đối với bà B; Ủy ban nhân dân xã Đ đối với bà S, chị L; Ủy ban nhân dân xã P đối với anh T, chị T1.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan điều tra cấp huyện;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Cơ quan THA hình sự;
- Cơ quan THA dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hảo